

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Khánh
2. Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Ngọc P**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: K Đ, phường L, thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Mai Xuân Đ**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: K Nguyễn Công H, tổ E phường A, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2025, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận T, TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Qua quá trình chung sống đến nay, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng trở nên đã trầm trọng hơn, chúng tôi không còn thương yêu, quý trọng nhau; vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Mai Xuân Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Xuân P1, sinh ngày 01/6/2019. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi chung;

- **Về tài sản chung:** Bà P xác nhận không có;

- **Về nợ chung:** Bà P xác nhận không có.

* Bị đơn ông Mai Xuân Đ đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông Đ trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Mai Xuân Đ đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Huỳnh Thị Ngọc P đối với ông Mai Xuân Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc P được ly hôn với ông Mai Xuân Đ.

Về con chung: Giao con Đặng Mai Xuân P1, sinh ngày 01/6/2019 cho bà Huỳnh Thị Ngọc P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Mai Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc P xác định không có tài sản chung nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị Ngọc P phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc P nộp tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ (cũ), TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Mai Xuân Đ vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Huỳnh Thị Ngọc P và ông Mai Xuân Đ kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của bà P, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Đ tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, trong quá trình chung sống với nhau cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Việc bà P kiên quyết xin ly hôn còn ông Đ vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án cũng không có ý kiến của ông Đ để hòa giải, động viên vợ chồng về sống đoàn tụ gia đình, nhằm khắc phục được sự mâu thuẫn để có sức thuyết phục, níu kéo bà P trở lại hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để bảo vệ cho ông Đ được.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy ông Mai Xuân Đ có đăng ký thường trú tại số nhà K N, tổ E phường A, thành phố Đà Nẵng.

Tại địa phương không rõ mâu thuẫn của vợ chồng ông Mai Xuân Đ thế nào, nhưng được biết ông Đ và bà P không sống cùng nhau, ông Đ sống với cha mẹ ông Đ còn bà P sống ở đâu địa phương không rõ, ông Đ bà P không sống với nhau từ tháng 7/2023 đến nay.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Huỳnh Thị Ngọc P và ông Mai Xuân Đ thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Ngọc P được ly hôn ông Mai Xuân Đ để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng bà P, ông Đ có 01 con chung là Mai Xuân P1, sinh ngày 01/6/2019. Ly hôn, bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu Mai Xuân P1 hiện còn nhỏ và đang ở với bà P từ trước đến nay nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc, gần bó, quan tâm của người mẹ để đảm bảo cho sự ổn định phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Mai Xuân P1 cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về tài sản chung:** Bà P xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Bà P xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị Ngọc P phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Ngọc P với ông Mai Xuân Đ.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc P được ly hôn với ông Mai Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao con Mai Xuân P1, sinh ngày 01/6/2019 cho bà Huỳnh Thị Ngọc P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Mai Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị Ngọc P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004135 ngày 17/7/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP . (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Đà Nẵng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Chi cục THADS khu vực 3- Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm